

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2023/LĐ-PT
Ngày: 21 - 02 - 2023
V/v Tranh chấp về tiền lương và
đơn phương chấm dứt hợp đồng
lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Út**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Thoa**

Bà **Doãn Thị Kim Thúy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lâm Hỷ Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà **Phùng Thị Lan**- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, **số A N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 92/2022/TLPT-LĐ ngày 14/12/2022 về việc “Tranh chấp về tiền lương và đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 3875/2022/LĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 616/2023/QĐPT-LĐ ngày 16/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Thủy T**, sinh năm 1978; Cư trú tại: **Số F Đường C P, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh** (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

+ Ông **Phạm Ngọc C**, sinh năm 1965; Cư trú tại: **Số F Đường C P, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh** (có mặt).

+ Ông **Trần Minh H**, sinh năm 1984 – Là Luật sư của **Văn phòng L1** - Là Luật sư thuộc **Đoàn Luật sư Thành phố H**; Địa chỉ liên hệ tại: **D N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh** (có mặt).

Bị đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ**

Trụ sở tại: **D Đ, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1979; Thường trú tại: **X, phường X, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh**; Địa chỉ liên hệ tại: **Căn hộ A Chung cư G P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Trần Thị Q**, sinh năm 1987; Địa chỉ liên hệ tại: **D Đ, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh** (Theo Giấy ủy quyền số 41-a/2021/GUQ-GP ngày 09/11/2021 của **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ**) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ**: Ông **Đinh Minh P**, sinh năm 1977 - Là Luật sư của **Công ty L2** và Cộng sự - Là Luật sư thuộc **Đoàn Luật sư Thành phố H**; Địa chỉ liên hệ tại: **D Đ, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh** (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Linh Ngọc Ngân**

Trụ sở tại: **D Đ, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1987; Địa chỉ liên hệ tại: **Căn hộ A, chung cư S, Số B Đường A, Khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh** (xin vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn là **Lê Thị Thủy T** và bị đơn **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn bà **Lê Thị Thủy T** trình bày:*

Ngày 01/10/2019, bà **T** và **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ** (Sau đây gọi tắt là Công ty) ký kết hợp đồng thử việc, đến ngày 10/10/2021 bà ký tiếp phụ lục hợp đồng. Theo hợp đồng đã ký kết vào làm việc với Công ty từ ngày 10/10/2019 với chức danh Trưởng phòng nhân sự, thời hạn kết thúc hợp đồng là 60 ngày.

Hết thời gian thử việc, Công ty không gửi kết quả thử việc hay thông báo về việc kết thúc thời gian thử việc, cũng không cho bà **T** ký hợp đồng lao động. Công ty không gửi trả hợp đồng thử việc cho bà **T**, sau đó bà vẫn tiếp tục công việc cho đến ngày 03/2/2020.

Ngày 22/01/2020, bà **T** có đến làm việc tại công ty và chờ đợi đến 21 giờ, nhưng Công ty vẫn không chi trả lương tháng 12/2019, thưởng tháng 13, lương tháng 01/2020 cho bà. Trước cách hành xử như vậy của Công ty, tối cùng ngày bà **T** đã viết email gửi đến Ban lãnh đạo Công ty nêu rõ sự việc và có ý định xin nghỉ việc. Công ty không phản hồi về thư xin nghỉ việc của bà **T** nên bà **T** vẫn đến công ty làm việc.

Ngày 31/01/2020, khi bà đến công ty làm việc thì Bảo vệ Công ty không cho bà gửi xe, Công ty đã xóa vân tay chấm công ra vào của bà, xóa vân tay dùng để mở cửa phòng làm việc của bà tại lầu 1, nên bà không thể vào phòng làm việc được. Bảo vệ công ty còn xua đuổi bà ra khỏi công ty mà không đưa ra bất cứ lý do nào. Trước sự việc trên, ngay lúc đó bà đã gọi điện thoại, nhắn tin đến Giám đốc nhân sự và Đại diện pháp luật của Công ty để hỏi về sự việc, nhưng không được hồi đáp.

Sau đó, bà đã gửi email, gửi thư đến Ban lãnh đạo Công ty yêu cầu **công ty T6**, tiền thưởng như đã nói trên, nhưng **B** vẫn không nhận được bất cứ phản hồi nào từ phía Công ty.

Như vậy, Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng với bà, không ra Quyết định thôi việc cho bà.

Trong buổi hòa giải tại **Phòng L4** (nay là **thành phố T**), phía đại diện Công ty không có thiện chí giải quyết mà còn có những lời lẽ khó nghe, thiếu sự tôn trọng, xúc phạm và nhục mạ đến danh dự của bà, làm tổn hại tinh thần, sức khỏe của bà.

Đến nay, Công ty vẫn chưa chi trả cho bà các khoản tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác mà bà được hưởng theo như quy định của pháp luật hiện hành gồm:

1. Chi trả lương tháng 12/2019, số tiền: 25.094.000 đồng sau khi trừ tạm ứng 20.000.000 đồng, còn lại 5.094.000 đồng.
2. Lương tháng 01/2020, số tiền: 26.088.000 đồng.
3. Thưởng tháng 13/2019, số tiền: 7.000.000 đồng.
4. **L** ngày công từ ngày 01/2/2020 đến ngày 03/2/2020: 2 ngày, số tiền: 2.435.000 đồng.
5. Những ngày phép còn lại: 03 ngày, số tiền : 4.200.000 đồng.
6. **L** cho những ngày không được làm việc từ ngày 04/2/2020 đến ngày 29/2/2020, số tiền: 25.565.000 đồng.
7. Tiền lương cho những ngày không được làm việc từ tháng 03/2020 cho đến tháng 7/2020, số tiền: 140.000.000 đồng.

8. Tiền lãi chậm thanh toán kể từ tháng 02/2020 cho đến cuối tháng 7/2020, số tiền: 2.406.000 đồng.

9. Bồi thường tổn thất về tinh thần, sức khỏe và xin lỗi người lao động về hành vi nhục mạ, số tiền: 14.000.000 đồng (bằng 10 lần mức lương cơ sở).

Tổng cộng số tiền Công ty phải chi trả cho bà **T** tổng số tiền là: 226.788.000 đồng.

Ngoài ra, bà **T** còn yêu cầu Công ty gửi trả hợp đồng thử việc, trả quyết định thôi việc và hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đề nghị Tòa án Giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc **Công ty Trách nhiệm hữu hạn G** phản trả cho bà **T** các khoản tiền như sau:

Chi trả lương tháng 12/2019: 5.094.000 đồng; **L** tháng 01/2020: 26.088.000 đồng; **L** ngày công từ ngày 01/2/2020 đến ngày 03/2/2020: (02 ngày): 2.435.000 đồng; Những ngày phép còn lại: (03 ngày): 4.200.000 đồng; Tiền lãi chậm thanh toán kể từ tháng 02/2020 cho ngày xét xử: 2.406.000 đồng. Tiền thưởng tháng 13/2019: 7.000.000 đồng; Tiền lương cho những ngày không được làm việc từ ngày 04/2/2020 cho đến ngày xét xử, số tiền: 837.565.000 đồng cộng khoản tiền lãi chậm thanh toán là: 7.000.000 đồng; **T2** bồi thường tổn thất về tinh thần, sức khỏe và xin lỗi người lao động về hành vi nhục mạ, số tiền: 14.000.000 đồng (bằng 10 lần mức lương cơ sở).

Tổng cộng Công ty phải chi trả cho bà **T** số tiền là: 905.788.000 đồng.

Ngoài ra, bà **T** còn yêu cầu Công ty gửi trả hợp đồng thử việc, trả quyết định thôi việc và hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân cho bà **T**.

Bị đơn **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ** có người đại diện ủy quyền là bà **Lưu Thị Hoài T3**, bà **Trần Thị Q** trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ xác nhận giữa Công ty và bà **Lê Thị Thủy T** ký hợp đồng thử việc thời hạn 60 ngày, từ ngày 10/10/2019 đến hết ngày 09/12/2019 ở vị trí Trưởng phòng Hành chính nhân sự. Khi hết thời hạn thử việc, bà **T** vẫn tiếp tục làm việc tại công ty cho đến hết ngày 22/01/2020.

Khi hết thời hạn thử việc, đại diện Công ty có trao cho bà hợp đồng lao động để bà xem xét, giao kết và bàn giao hợp đồng lại cho công ty để bổ sung chứng từ kế toán theo luật định và làm căn cứ tính, trả lương, nộp bảo hiểm, kê khai thuế, ... Tuy nhiên, bà **T** đã nhiều lần trì hoãn và hứa sẽ sớm hoàn tất bàn giao hợp đồng. Công ty đã nhiều lần nhắc bà **T** sớm hoàn tất việc bàn giao hợp đồng. Nếu không đồng ý, thì đề nghị bà có ý kiến chỉnh sửa hoặc đề xuất mẫu khác theo quan điểm của bà. Tuy vậy, bà vẫn không ký và giao hợp đồng lại cho

Công ty. Quá trình thử việc Công ty đã trả trước hạn lương tháng 12/2019 cho bà T số tiền 20.000.000 đồng.

Ngày 22/01/2020, bà T có thông báo nghỉ việc (bằng lời nói) với Chủ tịch (người đại diện theo pháp luật của Công ty). Rạng sáng ngày 23/01/2020, bà T gửi email xác nhận lại việc xin thôi việc và thông báo sau Tết sẽ vào công ty để bàn giao.

Ngày 31/01/2020, bà T tới sảnh lễ tân của Tòa nhà. Đại diện Công ty mời bà tham gia họp mặt đầu năm 2020 với toàn thể người lao động, thuyết phục bà tiếp tục làm việc. Tuy nhiên, bà đã từ chối không đồng ý tiếp tục làm việc, rồi đi vào phòng khách để làm việc riêng.

Ngày 03/02/2020, bà tiếp tục tới sảnh lễ tân để làm việc riêng. Cuối ngày, bà ký Biên bản bàn giao tài liệu, công việc với đại diện Công ty. Cùng ngày 03/02/2020, bà viết đơn xin nghỉ phép năm và nghỉ không hưởng lương với lý do xin nghỉ phép “*chấm dứt hợp đồng lao động, báo trước 30 ngày theo luật*”.

Như vậy, việc bà T khởi kiện Công ty T6 vì lý do Công ty đã Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là không có cơ sở vì bà T đã gửi Đơn xin thôi việc đến Công ty vào khuya ngày 22/01/2020. Việc nghỉ việc của bà Công ty đã thông báo với tất cả người lao động trong công ty, đồng thời thông báo với Bảo vệ Tòa nhà vào ngày 03/02/2020.

Ngày 31/01/2020, bà T có đến Công ty và Tổng giám đốc công ty là bà Nguyễn Thị H1 có mời bà T lên để họp đầu năm nhưng bà T từ chối, sau đó bà T vào làm việc riêng dưới sảnh Tòa nhà Lễ tân mà không lên Công ty.

Công ty xác nhận cho bà T nghỉ việc từ ngày 23/01/2020, hai bên không có Thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng lao động, Công ty đã ra Quyết định thôi việc vào ngày 23/01/2020, Quyết định này chưa giao cho bà T vì lý do bà T không ký và giao Hợp đồng lao động nên Công ty không giao Quyết định thôi việc cho bà T.

Bà T đã bàn giao công việc tài sản, công cụ, dụng cụ cho Công ty vào ngày 03/02/2020 (có Biên bản bàn giao kèm theo). Cùng ngày 03/02/2020 bà T làm Đơn xin nghỉ phép năm và xin nghỉ không hưởng lương với lý do xin nghỉ phép chấm dứt Hợp đồng lao động 30 ngày theo luật nên Công ty không đồng ý với một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về các vấn đề như bà tiên yêu cầu.

Quá trình giải quyết vụ án Công ty có Đơn phản tố yêu cầu bà T hoàn trả cho Công ty số tiền là: 127.550.430 đồng do hành vi đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty đồng ý với nội dung mà hai bên đã thỏa thuận được về khoản tiền lương tháng 12/2019; lương tháng 1/2020; lương của

hai ngày làm việc từ ngày 01/02/2020 đến ngày 03/02/2020; khoản tiền phép năm và khoản tiền lãi. Tuy nhiên Công ty chỉ đồng ý trả cho bà **T** các khoản tiền nêu trên theo mức lương bà **T** và Công ty T7 tại hợp đồng mà hai bên đã giao kết. Ngoài ra Công ty không đồng ý đối với các khoản khác mà bà **T** yêu cầu Công ty phải trả vì lý do Công ty không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Đại diện bị đơn rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Trách nhiệm hữu hạn L3 có ông Đình Minh P là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do bà **Lê Thị Thủy T** xác định giữa bà và Công ty Trách nhiệm hữu hạn L3 không có bất kỳ quan hệ lao động nào nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn L3 không có đối với bà **T**. Do đó Công ty Trách nhiệm hữu hạn L3 đề nghị Tòa án đình chỉ thủ tục tố tụng đối với Công ty L3.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 3875/2022/LĐ-ST 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

* Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn - bà **Lê Thị Thủy T**.

Buộc bị đơn Công ty TNHH Đ trả cho bà **Lê Thị Thủy T** các khoản tiền gồm:

Tiền nợ lương tháng 12/2019 là 5.000.000 đồng; lương tháng 01/2020 là 26.000.000 đồng; lương của hai ngày làm việc là 2.435.000 đồng, **T4** tiền lương là 33.435.000 đồng; tiền phép năm là: 3.250.000 đồng, tổng số tiền: 36.685.000 đồng; tiền lãi chậm thanh toán là: 10.534.000 đồng; Tổng cộng: 47.228.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu hai trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Đối với số tiền nợ lương: 33.435.000 đồng (Ba mươi ba triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng), bà **T** có quyền yêu cầu thi hành án ngay sau khi tuyên án. Số tiền còn lại 13.793.000 (Mười ba triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng), Công ty TNHH Đ phải trả cho bà **Lê Thị Thủy T** ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Lê Thị Thủy T** đối với yêu cầu về trả tiền lương cho những ngày không được làm việc từ ngày 04/2/2020 cho đến ngày xét xử, số tiền: 837.565.000 đồng cộng tiền lãi chậm thanh toán đối với tiền lương là: 7.000.000 đồng; bồi thường tổn thất về tinh thần, sức khỏe người lao động số tiền: 14.000.000 đồng và tiền lương tháng 13 là: 7.000.000 đồng.

Buộc Công ty TNHH Đ giao trả hồ sơ quyết toán Thuế thu nhập cá nhân và Quyết định thôi việc cho bà **T** theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH Đ.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm 1.416.840 (Một triệu bốn trăm mười sáu nghìn tám trăm bốn mươi) đồng, Công ty TNHH Đ phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Công ty TNHH Đ đã nộp là 1.913.256 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0028594 ngày 05/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. H2 lại cho Công ty TNHH Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 496.416 (Bốn trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm mười sáu) đồng.

Bà Lê Thị Thủy T không phải chịu tiền án phí lao động sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/10/2022, nguyên đơn bà Lê Thị Thủy T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 13/10/2022, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ có đơn kháng cáo đề ngày 12/10/2022 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Lê Thị Thủy T; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T là ông Phạm Ngọc C, Luật sư Trần Minh H trình bày:

Bà T yêu cầu Công ty T6 cho những ngày không được làm việc từ ngày 04/2/2020 cho đến ngày xét xử, số tiền: 837.565.000 đồng cộng tiền lãi chậm thanh toán đối với tiền lương là: 7.000.000 đồng; bồi thường tổn thất về tinh thần, sức khỏe người lao động số tiền: 14.000.000 đồng và tiền lương tháng 13 là: 7.000.000 đồng.

Đối với các yêu cầu T2 nợ lương tháng 12/2019 là 5.000.000 đồng; lương tháng 01/2020 là 26.000.000 đồng; lương của hai ngày làm việc là 2.435.000 đồng, T4 tiền lương là 33.435.000 đồng; tiền phép năm là: 3.250.000 đồng, tổng số tiền: 36.685.000 đồng; tiền lãi chậm thanh toán là: 10.534.000 đồng; Tổng cộng: 47.228.000 đồng; đồng ý với án sơ thẩm.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ có người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị Q, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Đình Minh P cùng thống nhất trình bày:

Công ty xin rút lại yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật. Đơn kháng cáo của đương sự nằm trong hạn luật định nên hợp lệ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu rút kháng cáo của bị đơn.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, bác yêu cầu kháng của nguyên đơn bà Lê Thị Thủy T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm 3875/2022/LĐ-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Thủy T và kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty Trách nhiệm hữu hạn L3 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Công ty Trách nhiệm hữu hạn L3.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ xin rút lại yêu cầu kháng cáo.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà T yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ trả tiền lương cho những ngày không được làm việc từ ngày 04/2/2020 cho đến ngày xét xử, số tiền: 837.565.000 đồng cộng tiền lãi chậm thanh toán đối với tiền lương là: 7.000.000 đồng; yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bồi

thường tổn thất về tinh thần, sức khỏe số tiền: 14.000.000 đồng và tiền lương tháng 13 là: 7.000.000 đồng trả 1 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định như sau;

Ngày 23/01/2020, bà **T** có Đơn xin thôi việc gửi Công ty đã được Công ty xác nhận nhưng bà **T** chưa nhận được Quyết định thôi việc,

Ngày 03/02/2020, hai bên ký Biên bản bàn giao hồ sơ, Biên bản bàn giao tài sản, dụng cụ tại Công ty. Đồng thời cùng ngày 03/02/2020 đại diện Công ty có ông **Nguyễn Đức H3** và người lao động bà **Lê Thị Thủy T** đã thực hiện việc ký kết Biên bản bàn giao hồ sơ, Biên bản bàn giao tài sản dụng cụ.

Tại phiên tòa, bà **T** xác nhận tại biên bản ngày 03/02/2020 giữa bà và ông **Nguyễn Đức H3** - Phó giám đốc công ty, chữ viết trong biên bản là do bà viết tại phần nội dung làm việc như sau “**Thống nhất ngày nghỉ của chị T; Thống nhất ngày 04/02**” sau khi bàn giao công việc ngày 03/2/2020 thì bà **T** không vào Công ty làm việc cho đến nay.

Đây được xem chính thức là thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động trên tinh thần tự nguyện, một bên yêu cầu và bên còn lại đồng ý.

Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật lao động năm 2012 quy định “Hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động”. Trường hợp của bà **T** và công ty được xem như chính thức là thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động trên tinh thần tự nguyện, một bên yêu cầu và bên còn lại đồng ý. Việc Công ty không ban hành Quyết định thôi việc hay đã ban hành mà không giao cho người lao động không làm ảnh hưởng việc 2 bên đã tự nguyện ký Biên bản bàn giao thỏa thuận chấm dứt quan hệ lao động vào ngày 03/02/2020.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn chi trả tiền lương tháng 13 là: 7.000.000 đồng, bà **T** cho rằng bà căn cứ vào cuộc họp của Công ty bà có ghi nội dung này vào sổ họp. Căn cứ Quyết định về việc ban hành Quy định về tiền thưởng, các khoản hỗ trợ cho người lao động của **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ** tại Điều 2 về đối tượng áp dụng “...*Người lao động có thời gian làm việc thực tế (kể cả thời gian thử việc) từ đủ 6 tháng trở lên* ...” và Điều 3 về nguyên tắc tính thưởng “...*Mức tiền thưởng, hỗ trợ sẽ theo kết quả kinh doanh của công ty...*”, đối chiếu quy định này bà **T** chỉ mới làm việc hơn 4 tháng tại công ty bao gồm cả thời gian thử việc nên bà **T** không thuộc trường hợp được hưởng lương tháng 13 theo quy định.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bồi thường tổn thất về tinh thần, sức khỏe số tiền: 14.000.000 đồng (10 lần mức lương cơ sở), quá trình giải quyết vụ án bà **T** cũng không đưa ra chứng cứ chứng minh về việc bà đã bị tổn

thất về tinh thần sức khỏe như thế nào và phía Công ty cũng thể hiện việc thừa nhận đã có những lời lẽ khó nghe, thiếu sự tôn trọng, xúc phạm và nhục mạ đến danh dự, làm tổn hại tinh thần và sức khỏe của bà nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà **T** yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ trả tiền lương cho những ngày không được làm việc từ ngày 04/2/2020 cho đến ngày xét xử, số tiền: 837.565.000 đồng cộng tiền lãi chậm thanh toán đối với tiền lương là: 7.000.000 đồng; yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bồi thường tổn thất về tinh thần, sức khỏe số tiền: 14.000.000 đồng và tiền lương tháng 13 là: 7.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà **Lê Thị Thủy T**.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

Đối với những phần quyết định khác của án sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí lao động phúc thẩm:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Thủy T** được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ phải chịu tiền án phí phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0006406 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, **T5** phò **Hồ Chí M**.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 148; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273; khoản 3 Điều 289; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 15, Điều 26; Điều 27, Điều 36, Điều 47 khoản 2 Điều 200, Điều 201 và Điều 202 Bộ Luật lao động năm 2012;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là bà **Lê Thị Thủy T.**

2. Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 3875/2022/LĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc bị đơn **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ** trả cho nguyên đơn bà **Lê Thị Thủy T** các khoản tiền gồm:

Tiền nợ lương tháng 12/2019 là 5.000.000 (Năm triệu) đồng; lương tháng 01/2020 là 26.000.000 (Hai mươi sáu triệu) đồng; lương của hai ngày làm việc là 2.435.000 (Hai triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn) đồng, **T4** tiền lương là 33.435.000 (Ba mươi ba triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn) đồng; tiền phép năm là: 3.250.000 (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, tổng số tiền: 36.685.000 (Ba mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn) đồng; tiền lãi chậm thanh toán là: 10.534.000 (Mười triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn) đồng;

Tổng cộng: 47.228.000 (Bốn mươi bảy triệu hai trăm hai mươi tám nghìn) đồng.

Đối với số tiền nợ lương: 33.435.000 đồng (Ba mươi ba triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn) đồng, bà **T** có quyền yêu cầu thi hành án ngay sau khi tuyên án. Số tiền còn lại 13.793.000 (Mười ba triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn) đồng, **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ** phải trả cho bà **Lê Thị Thủy T** ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Lê Thị Thủy T** đối với yêu cầu về trả tiền lương cho những ngày không được làm việc từ ngày 04/2/2020 cho đến ngày xét xử, số tiền: 837.565.000 (Tám trăm ba mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng cộng tiền lãi chậm thanh toán đối với tiền lương là: 7.000.000 (Bảy triệu) đồng; bồi thường tổn thất về tinh thần, sức khỏe người lao động số tiền: 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng và tiền lương tháng 13 là: 7.000.000 (Bảy triệu) đồng.

Buộc **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ** giao trả hồ sơ quyết toán Thuế thu nhập cá nhân và Quyết định thôi việc cho bà **T** theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của bị đơn **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ**.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà **Lê Thị Thủy T** có đơn yêu cầu thi hành án nếu **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ** chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền bồi thường trên thi hàng tháng **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ** còn phải trả

cho **Lê Thị Thủy T** số tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu xin rút lại yêu cầu kháng cáo của bị đơn **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ**.

5. Về án phí:

5.1 Án phí lao động sơ thẩm: Số tiền 1.416.840 (Một triệu bốn trăm mười sáu nghìn tám trăm bốn mươi) đồng, **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ** phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ** đã nộp là 1.913.256 (Một triệu chín trăm mười ba nghìn hai trăm năm mươi sáu) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0028594 ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. **H2** lại cho **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 496.416 (Bốn trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm mười sáu) đồng.

5.2. Án phí lao động phúc thẩm:

Nguyên đơn bà **Lê Thị Thủy T** được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ phải chịu tiền án phí phúc thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0006406 ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Cục Thi hành án dân sự Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu (T17).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Út